

Bản án số: 18 /2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 01 -2025

“V/v Ly hôn giữa chị Q và anh L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Phương Q**, sinh ngày 08/7/2002.*

Địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn: Anh **Bùi Huỳnh L**, sinh ngày 09/4/1992.*

Địa chỉ: tổ 20, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Mai Thị Phương Q** trình bày:* Do quen biết và được gia đình đồng ý nên chị và anh L tiến đến hôn nhân năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do anh L không lo cho vợ con còn có lời lẽ xúc phạm danh dự nhân

phẩm chị, ghen tuông vô cớ, không tôn trọng cha mẹ vợ. Chị nhận thấy không còn tình cảm gì với anh L.

Con chung: có 01 con chung tên Bùi Thiên B, sinh ngày 26/7/2021.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Chị Q yêu cầu ly hôn anh L. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Bùi Huỳnh L tại tờ tường trình trình bày: Anh trình bày thống nhất với lời trình bày của chị Q về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trong thời gian phát sinh mâu thuẫn anh vẫn lo cho gia đình, chị Q chỉ ở nhà chăm con nhưng có lời lẽ xúc phạm mẹ anh. Đến khi con được 03 tuổi chị Q muốn đi làm nhưng đi làm được 10 ngày thì bỏ nhà đi luôn. Con chung trước giờ ở với anh, anh có đủ điều kiện và thời gian ở bên con, anh còn có mẹ và chị hai phụ chăm. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bùi Thiên Ân.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh L đồng ý ly hôn chị Q. Con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn anh L, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Q và anh L tiến đến hôn nhân năm 2020 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Q xác định không còn tình cảm với anh L nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh L cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được và sự tự nguyện ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị theo điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Thiên B, sinh ngày 26/7/2021. Cả 02 anh chị đều yêu cầu được nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, cả chị Q và anh L đều có công việc ổn định đủ điều kiện kinh tế nuôi con như nhau. Tuy nhiên công việc của anh L có thể chủ động về mặt thời gian hơn chị Q. Mặc khác hiện tại cháu Ân cũng đang sống ổn định cùng anh L, cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Thiên B cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q, anh L mỗi người chịu án phí ly hôn, chia tài sản chung theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2024/ NQ- HĐTP ngày 16/5/2024.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 3 điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Tuyên xử:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thị Phương Q.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Phương Q với anh Bùi Huỳnh L.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Bùi Thiên B, sinh ngày 26/7/2021 cho anh Bùi Huỳnh L tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Mai Thị Phương Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Mai Thị Phương Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí:

Chị Mai Thị Phương Q phải 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015963 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên được hoàn lại 225.000 đồng.

Anh Bùi Huỳnh L phải 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

